

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Tây Ninh,
tỉnh Tây Ninh đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại
đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số
1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số
1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của
Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tỉnh ủy Tây Ninh về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kỳ họp thứ 10 Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2409/TTr-SXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, Công văn số 2441/SXD-QHPTĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 về thẩm định Chương trình phát triển đô thị thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 (Các nội dung chính tại Phụ lục và Thuyết minh Chương trình phát triển đô thị kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh

- Tổ chức công bố, lưu trữ hồ sơ Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị; tổ chức lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị (khu đô thị, khu dân cư, công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật), chỉnh trang đô thị theo quy hoạch, kế hoạch; triển khai thực hiện các giải pháp nhằm khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, đạt thấp để nâng cao chất lượng đô thị.

- Lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị.

- Tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng, UBND tỉnh định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu về tình hình thực hiện các dự án đầu tư và kế hoạch thực hiện các dự án phát triển đô thị.

2. Sở Xây dựng và các sở, ngành tỉnh có liên quan: Hướng dẫn UBND thành phố Tây Ninh tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị; phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *vu*

Nơi nhận: *ly*

- Như Điều 3;
- TT: TU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. *4*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ly
Dương Văn Thắng



PHỤ LỤC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Mục tiêu chương trình

Mục tiêu tổng quát: Cụ thể hóa định hướng phát triển đô thị theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Cụ thể hóa định hướng phát triển đô thị tại quy hoạch chung thành phố được duyệt, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Tây Ninh, nâng cao tỷ lệ đô thị hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giữ gìn những giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc của đô thị.

+ Làm cơ sở thực hiện phân loại đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xây dựng kế hoạch hoàn thành các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt đối với tiêu chí đô thị loại II, phấn đấu đạt 75% tiêu chí đô thị loại I.

+ Xác định danh mục dự án đầu tư, giải pháp thực hiện, nguồn lực đầu tư xây dựng đến năm 2030.

II. Nội dung chương trình

1. Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị

Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị thành phố Tây Ninh trên toàn bộ phạm vi ranh giới đơn vị hành chính thành phố Tây Ninh, với 10 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 07 phường (1, 2, 3, IV, Hiệp Ninh, Ninh Sơn, Ninh Thạnh) và 03 xã (Bình Minh, Tân Bình, Thạnh Tân). Tổng diện tích quy hoạch là 13.992,00 ha (theo Quy hoạch sử dụng đất thành phố Tây Ninh giai đoạn 2021- 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 gồm Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen theo quy hoạch chung xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1099/QĐ-TTg ngày 05/9/2018); phạm vi, ranh giới quy hoạch như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Tân Biên và huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

- Phía Nam: Giáp thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Phía Đông: Giáp huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Phía Tây: Giáp huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Các chỉ tiêu phát triển đô thị thành phố Tây Ninh

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2025: Quy mô dân số toàn đô thị đạt khoảng 269.320 người, trong đó dân số thường trú dự báo khoảng 197.000 người; với dân số nội thị khoảng 151.940 người.

- Đến năm 2030: quy mô dân số toàn đô thị đạt khoảng 310.000 người, trong đó dân số thường trú dự báo khoảng 210.500 người; với dân số nội thị khoảng 177.230 người.

b) Lộ trình phát triển đô thị:

- Giai đoạn 2023 - 2025: Thành phố Tây Ninh được công nhận đô thị loại II; tập trung đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo chương trình phát triển đô thị được phê duyệt và hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt hoặc đạt thấp so với tiêu chí đô thị loại II.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Tiếp tục đầu tư xây dựng phát triển đô thị và hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt hoặc đạt thấp so với tiêu chí đô thị loại II; phấn đấu đến năm 2030 đạt 75% tiêu chí đô thị loại I.

c) Các chỉ tiêu phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật:

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Hiện trạng | Đến 2025 | Đến 2030 |
|-----|--|--------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Diện tích thành phố Tây Ninh | ha | 13.992,00 | 13.992,00 | 13.992,00 |
| - | <i>Nội thị</i> | <i>ha</i> | <i>6.150,30</i> | <i>6.150,30</i> | <i>6.150,30</i> |
| - | <i>Ngoại thị</i> | <i>ha</i> | <i>7.841,70</i> | <i>7.841,70</i> | <i>7.841,70</i> |
| 2 | Dân số thành phố Tây Ninh | Người | 269.320 | 269.320 | 310.000 |
| 3 | Tỷ lệ đô thị hóa | % | 83,30 | 83,30 | 84,40 |
| 4 | Mật độ dân số toàn đô thị | (người/km ²) | 1.924,80 | 1.924,80 | 2.215,60 |
| 5 | Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị | (người/km) | 11.375,30 | 11.375,30 | 6.640,00 |
| 6 | Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị; | % | 14,10 | 14,10 | 28,20 |

| | | | | | |
|----|--|-----------------------|-----------|-----------|-----------|
| 7 | Đất Xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị thành phố Tây Ninh | ha | 1.971,64 | 3.187,74 | 3.940,13 |
| 8 | Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị | m ² /người | 32,90 | 32,90 | 34,20 |
| 9 | Diện tích cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người | m ² /người | 8,84 | 8,84 | 9,74 |
| 10 | Diện tích cây xanh toàn đô thị | m ² | 2.380.069 | 2.380.069 | 3.020.300 |
| 11 | Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị | % | 22,21 | 22,20 | 19,70 |
| 12 | Diện tích đất giao thông | m ² | 4.378.090 | 4.378.090 | 7.755.700 |
| 13 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật khu vực nội thành, nội thị | % | 0,00 | 15,00 | 46,00 |

3. Chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị

Theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Tây Ninh hiện đạt 05/05 tiêu chí, trong đó đạt 59/63 tiêu chuẩn, còn 04/63 tiêu chuẩn chưa đạt, cần tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng đô thị. Trong thời gian tới cần tập trung đầu tư phát triển đô thị, ưu tiên đầu tư để hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II và phấn đấu đến năm 2030 đạt 75% tiêu chí đô thị loại I như sau:

(1) *Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất*: Phát triển kinh tế xã hội của thành phố theo các mục tiêu, kế hoạch kinh tế xã hội đã xác định đến năm 2025, năm 2030. Ưu tiên phát triển thương mại dịch vụ, du lịch. Khai thác các tiềm năng, thế mạnh của địa phương cho phát triển kinh tế. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững và chiến lược tăng trưởng xanh. Nhân rộng các mô hình sản xuất, quản lý có hiệu quả. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống.

(2) *Mật độ đường giao thông đô thị*: Ưu tiên các dự án về hệ thống giao thông đối với các tuyến đường có bề rộng mặt đường ≥ 14 m, trong đó đảm bảo mật độ đường giao thông đô thị đạt từ 6-8 km/km²; tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt từ 15-22%; diện tích đất giao thông bình quân đầu người đạt từ 11-13 m²/người.

(3) *Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật*: Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt, bao gồm trạm xử lý nước thải tập trung cho toàn đô thị và hệ thống thu gom nước thải, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ và kế hoạch vốn bố trí. Ngoài ra, cần có chính sách hỗ trợ các hộ dân, nhà nước và Nhân dân cùng làm, xây dựng hệ thống thoát nước và chiếu sáng đường ngõ xóm. Thực hiện phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu”. Phần đầu đến năm 2030 đạt từ 20-40%.

(4) *Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh*: Phát triển các khu chức năng và khu đô thị mới theo quy hoạch chung được duyệt. Ứng dụng công nghệ cao, thông minh, công nghệ kỹ thuật số trong công tác quản lý, xây dựng đô thị. Phần đầu đến năm 2030 từ 4-6 khu.

4. Các chương trình, kế hoạch phát triển các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị, các khu vực phát triển đô thị để tập trung đầu tư hình thành đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và kiến trúc cảnh quan đô thị theo từng giai đoạn

a) Khu vực 1: Khu vực nội đô hiện hữu

- Quy mô: Diện tích khoảng: 3.218 ha.
- Vị trí: Bao gồm Phường 2, Phường 3, Phường IV, Phường Hiệp Ninh và một phần các Phường 1, Phường Ninh Sơn và Phường Ninh Thạnh.
- Chức năng: Là khu ở và khu trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, tài chính, ngân hàng, văn hóa, y tế, giáo dục và vui chơi giải trí.
- Tính chất: Chính trang các khu ở, đơn vị ở hiện hữu theo hướng gìn giữ bản sắc, tập quán dân cư; đầu tư nâng cấp hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

b) Khu vực 2: Khu vực đô thị mới phía Tây

- Quy mô: 713 ha.
- Vị trí: Bao gồm một phần Phường 1, Phường Ninh Sơn và một phần xã Bình Minh.
- Chức năng: Được xác định là khu trung tâm thành phố mới với chức năng hành chính, thương mại, cảnh quan đô thị.
- Tính chất: Là khu vực đô thị có mật độ xây dựng thấp, chất lượng hạ tầng và cảnh quan cao, các trung tâm thương mại dịch vụ sầm uất, khu công trình trụ sở

hành chính mới kết nối đồng bộ không gian quảng trường, công viên cây xanh với Trung tâm chính trị, hành chính.

c) Khu vực 3: Khu vực đô thị mới phía Đông

- Quy mô: 573,46 ha.
- Vị trí: Bao gồm một phần phường Ninh Thạnh.
- Chức năng: Là khu đô thị mới đặc thù, phát triển du lịch, du lịch nghỉ dưỡng, điều trị y tế và thể dục thể thao.

- Tính chất: Hình thành đơn vị ở mới (quy mô dân số thấp) và chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu; Hình thành các khu Trung tâm nghiên cứu đào tạo, trung tâm y tế, trung tâm thể dục thể thao kết hợp với các khu cây xanh tạo động lực phát triển kinh tế xanh, du lịch sức khỏe, thể dục thể thao.

d) Khu vực 4: Khu vực phụ cận Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen

- Quy mô: 372 ha.
- Vị trí: Bao gồm một phần phường Ninh Thạnh.
- Chức năng: Là khu đô thị mới phát triển dịch vụ công cộng đô thị, cảnh quan, bãi xe qui mô lớn và đồng bộ không gian, hạ tầng với Khu du lịch quốc gia Núi Bà.

- Tính chất: Hình thành đơn vị ở mới có mật độ dân số trung bình, tỷ lệ cây xanh cao, đầu tư hoàn chỉnh đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật (ngầm hóa, đạt các tiêu chuẩn đô thị xanh, thông minh) là khu vực trung tâm cảnh quan có không gian quảng trường trung tâm lớn khu phụ cận Núi Bà Đen kết nối với không gian quảng trường trung tâm của khu du lịch, hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ đô thị đảm bảo đáp ứng nhu cầu vùng phía Đông của Thành phố.

5. Chương trình, đề án phát triển đô thị

a) Danh mục dự án:

- Danh mục dự án, chương trình, đề án trọng tâm phát triển đô thị thành phố Tây Ninh đến năm 2030:

| Stt | Danh mục | Nội dung công việc | Kế hoạch thực hiện |
|-----|--|---|--------------------------|
| 1 | Đề án nâng cấp thành phố Tây Ninh cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II | Phát huy chức năng trung tâm chính trị-hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh, thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tạo động lực mới cho sự phát triển, xúc tiến đầu tư, tăng thu ngân sách, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát | Trình phê duyệt năm 2024 |

| Stt | Danh mục | Nội dung công việc | Kế hoạch thực hiện |
|-----|--|--|------------------------|
| | | triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Tây Ninh và tỉnh Tây Ninh. | |
| 2 | Lập hồ sơ đề xuất khu vực Phát triển đô thị thành phố Tây Ninh | Hoàn thiện đề án, để kêu gọi đầu tư các dự án trong khu vực | Giai đoạn đến năm 2025 |
| 3 | Lập Quy chế quản lý Kiến trúc thành phố Tây Ninh | Quản lý thực hiện theo quy hoạch được duyệt, kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo và chỉnh trang đô thị theo định hướng phát triển kiến trúc. Đồng thời là một trong các cơ sở để cấp phép xây dựng theo quy định. | Giai đoạn đến năm 2025 |
| 4 | Lập Quy hoạch phân khu đô thị theo quy hoạch | Hoàn thiện đề án, để có cơ sở pháp lý kêu gọi đầu tư các dự án trong khu vực | Giai đoạn đến năm 2025 |
| 5 | Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số | Phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số | Giai đoạn đến năm 2025 |
| 6 | Bổ sung, nâng cấp thiết bị bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh | Phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số | Giai đoạn đến năm 2025 |
| 7 | Nâng cấp hoàn thiện các giải pháp chính quyền, điện tử để hướng tới Chính quyền số | Phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số | Giai đoạn đến năm 2025 |

| Stt | Danh mục | Nội dung công việc | Kế hoạch thực hiện |
|-----|---|---|-------------------------------|
| 8 | Trang bị hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung | Phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số | Giai đoạn đến năm 2025 |
| 9 | Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân trong việc giữ gìn, bảo vệ môi trường, cảnh quan | Nâng cao ý thức người dân trong việc giữ gìn, bảo vệ môi trường, cảnh quan | Giai đoạn đến năm 2025 |
| 10 | Khu dân cư phía Tây (Khu đô thị mới phường 1, Đô thị nghỉ dưỡng Premier Village Tây Ninh) | Hoàn thiện đồ án, để có cơ sở pháp lý kêu gọi đầu tư các dự án trong khu vực | Giai đoạn đến năm 2026 - 2030 |
| 11 | Khu dân cư phía Đông (Phân khu 6, thành phố Thể dục thể thao) | Hoàn thiện đồ án, để có cơ sở pháp lý kêu gọi đầu tư các dự án trong khu vực | Giai đoạn đến năm 2026 - 2030 |
| 12 | Phân khu 7, nông nghiệp công nghệ cao (Vùng Thiên Nhiên) | Hoàn thiện đồ án, để có cơ sở pháp lý kêu gọi đầu tư các dự án trong khu vực | Giai đoạn 2026 - 2030 |
| 13 | Nâng cấp tuyến đường QH3, kết nối giữa 3 xã | Kết nối Đông – Tây giữa 3 xã Thạnh Tân, Tân Bình và Bình Minh, hình thành “con đường ẩm thực” ở Tây Ninh cho du lịch nông nghiệp | Giai đoạn 2026 - 2030 |
| 14 | Lập Quy hoạch chi tiết 2 bên tuyến đường QH3 | Hoàn thiện đồ án, để có cơ sở pháp lý kêu gọi đầu tư các dự án trong khu vực | Giai đoạn 2026 - 2030 |
| 15 | Triển khai các dự án Khu đô thị trên địa bàn thành phố | Tạo nên mạng lưới đô thị, thu hút người dân đầu tư sản xuất, kinh doanh và sinh sống, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển, nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho người dân | Giai đoạn 2024 - 2030 |

| Stt | Danh mục | Nội dung công việc | Kế hoạch thực hiện |
|-----|--|---|-----------------------|
| 16 | Triển khai thực hiện các dự án theo kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tây Ninh năm 2023 | Tạo nên mạng lưới đô thị, thu hút người dân đầu tư sản xuất, kinh doanh và sinh sống, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển, nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho người dân | Giai đoạn 2024 - 2030 |

- Danh mục dự án đầu tư phát triển đô thị thành phố Tây Ninh đến năm 2030 (dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội): Thuyết minh đính kèm.

b) Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn: ngân sách, ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.
 - Hình thức huy động vốn: Hỗ trợ, đối ứng, vay, xã hội hóa và kêu gọi đầu tư bằng các hình thức đối tác công tư PPP, vốn ODA, ...

- Giải pháp phân bổ nguồn vốn:

+ Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước: Ưu tiên đầu tư phát triển trong đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, các hạ tầng khung trong các đô thị, các công trình đầu mối trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường đô thị.

+ Đối với vốn ngoài ngân sách: Ưu tiên phát triển các dịch vụ công trong đô thị như thoát nước, xử lý nước thải, cải thiện môi trường, chiếu sáng; phát triển các khu vực mở rộng, tái thiết đô thị, khu đô thị...

(Thuyết minh Chương trình phát triển đô thị thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 kèm theo)